



NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HÀNH LANG XANH TẠI MỘT SỐ ĐÔ THỊ TRÊN THẾ GIỚI

Nguyễn Văn Tuyên¹, Dương Quỳnh Nga²

Tóm tắt: Hành lang xanh là không gian mở, bao gồm vành đai rừng, công viên, khu du lịch sinh thái, nông nghiệp... đan xen bên trong hay bao bọc bên ngoài đô thị. Mô hình quy hoạch phát triển hành lang xanh đã áp dụng thành công tại nhiều đô thị trên thế giới. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu, nhóm nghiên cứu phân tích lịch sử hình thành và thực tiễn quy hoạch hành lang xanh tại các đô thị trên thế giới, rút ra kinh nghiệm thiết lập mô hình là những cơ sở khoa học cốt lõi để thiết lập hành lang xanh tại các đô thị Việt Nam.

Từ khóa: Hành lang xanh; vành đai xanh.

Summary: Green Corridor is the open space, which includes forest belts, parks, eco-tourisms, agriculture... inside or covered outside the urban area. "Green corridor" has successfully applied in many urbans in the world. In the contents of this article, we present history and reality of green corridor plan in urbans in the world, since then we show that making development patterns is the bases of setting green corridor in the urbans of Vietnam.

Keywords: Green Corridor; green belt.

Nhận ngày 04/01/2016, chỉnh sửa ngày 18/01/2016, chấp nhận đăng 15/3/2016



1. Giới thiệu

Quy hoạch hành lang xanh (HLX) là mô hình quy hoạch mới tại Việt Nam, mô hình này lần đầu tiên được áp dụng trong đồ án quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội năm 2010. Tiếp nối theo đồ án quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, quy hoạch HLX tiếp tục được đưa vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng, quy hoạch vùng tỉnh Vĩnh Phúc và một số đô thị lớn khác trong cả nước. Tuy nhiên, các đồ án trên chưa thống nhất khái niệm HLX và mô hình quy hoạch HLX. Việc quy hoạch HLX vẫn dừng lại quy định theo đồ án và vẫn chưa được kiểm chứng trong thực tiễn. Trên thế giới, mô hình quy hoạch HLX đã trở thành lý luận mang tính quốc tế và được áp dụng thành công tại nhiều đô thị như: Luân Đôn, Paris, Seoul, Bắc Kinh... Nghiên cứu mô hình quy hoạch HLX tại các đô thị lớn Việt Nam cần phải đúc rút và chuyển luân từ kinh nghiệm thực tiễn quốc tế thành công cũng như là thất bại. Do đó, việc nghiên cứu mô hình quy hoạch phát triển HLX tại một số đô thị trên thế giới từ đó nhận diện mô hình quy hoạch HLX tại các đô thị lớn tại Việt Nam là rất cấp thiết.



2. Lịch sử hình thành và phát triển HLX

Ý tưởng quy hoạch HLX được khởi xướng đầu tiên từ lý thuyết "Thành phố vườn" của E. Howard (1889), ông đã đề xuất xây dựng các thành phố vệ tinh tách ra khỏi thành phố trung tâm nhằm hạn chế sự phát triển khó kiểm soát của các đô thị lớn. Trong lý thuyết "Thành phố vườn", các thành phố vệ tinh cách thành phố mẹ khoảng 30km và được ngăn cách bởi vành đai xanh (VĐX) nông nghiệp, cây xanh cảnh quan [1]. Năm 1929, kiến trúc sư trưởng của Hội đồng quy hoạch vùng Luân Đôn đề xuất HLX cho vùng đô thị Luân Đôn là HLX dạng VĐX toàn bộ vùng ngoại thành. Năm 1935 quy hoạch HLX Luân Đôn được triển khai thực hiện. Hiện nay, Vương quốc Anh có 14 thành phố thiết lập quy hoạch HLX. Giai đoạn từ năm 1950 đến

¹ThS, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch. Trường Đại học Xây dựng. Email: kts.nguyenvantuyen@gmail.com

²ThS, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch. Trường Đại học Xây dựng.

năm 1960: HLX trở thành ngôn ngữ quy hoạch quốc tế, chức năng HLX là các vùng xanh thiên về khía cạnh môi trường, trong đó chủ yếu là đất rừng và đất nông nghiệp, mô hình cấu trúc HLX chủ yếu là dạng VĐX bao bọc ngoài đô thị trung tâm. Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1970, xuất hiện nhiều quan điểm mới về HLX, chức năng HLX không chỉ thuần về khía cạnh môi trường mà có sự tham gia của các chức năng phát triển kinh tế như du lịch và vui chơi giải trí, hình thành nhiều dạng cấu trúc HLX mới như: VĐX nhiều lớp, Mạng xanh, Nêm xanh, Tuyến xanh, Trái tim xanh... Từ năm 1970 đến nay, trên thế giới đã xuất hiện các biến thể HLX khác biệt ở mỗi quốc gia và theo từng loại đô thị.

C 3. Khái niệm HLX và các khái niệm liên quan

Khái niệm HLX: Là các không gian mở, công viên cây xanh, đất nông nghiệp hoặc các khu vực tự nhiên được hình thành dưới dạng các dải đan xen bên trong hoặc bao bọc bên ngoài đô thị vì các mục đích bảo tồn môi trường và cảnh quan [2].

Khái niệm VĐX: Là một vòng đai vùng nông thôn, là khu vực hạn chế phát triển đô thị, bao gồm các chức năng được ưu tiên phát triển như nông nghiệp, lâm nghiệp và các khu vực vui chơi giải trí ngoài trời [1].

Khái niệm Mạng xanh: Là các liên kết của các khu vực tự nhiên, bán tự nhiên và không gian mở nhân tạo để tạo ra một mạng lưới liên kết với nhau nhằm tạo cơ hội cho các hoạt động vui chơi giải trí, tăng khả năng tiếp cận trong các khu định cư và các vùng nông thôn xung quanh, đồng thời tăng cường đa dạng sinh học và chất lượng của môi trường đô thị [3].

Khái niệm Nêm xanh: Là một khái niệm thay thế của khái niệm VĐX, nêm xanh có mục đích bảo vệ các vùng không gian mở, giúp định hình sự phát triển hình thái đô thị đã được quy hoạch; Giữ gìn và tăng cường liên kết giữa các khu vực đô thị và nông thôn; Tạo thuận lợi cho việc quản lý tích cực đất đô thị [4].

Khái niệm Tuyến xanh: Là liên kết các yếu tố cảnh quan để tạo thành một hệ thống mạng lưới tuyến tính, thường gắn liền với các điều kiện địa hình như tự nhiên (ví dụ: sông) và nhân tạo (ví dụ: đường giao thông, kênh mương và đê). [4].

Bằng phương pháp quy nạp, nhóm nghiên cứu nhận thấy các khái niệm có các điểm tương đồng: Điều định nghĩa về không gian xanh đô thị, có mục tiêu và chức năng tương tự nhau. Bên cạnh đó, các khái niệm cũng có những sự khác biệt về hình thái và vị trí không gian xanh trong cấu trúc đô thị, kết quả phân tích được trình bày trong Bảng 1. Qua đó, chúng tôi rút ra nhận định: HLX được xác định là khái niệm rộng nhất, bao trùm các khái niệm còn lại; Khái niệm VĐX là một mô hình của HLX.

Bảng 1. Bảng so sánh các khái niệm tương đồng HLX

Đặc trưng \ Khái niệm	HLX	VĐX	Mạng xanh	Nêm xanh	Tuyến xanh
Hình thái					
Vị trí trong đô thị	Hệ thống không gian xanh đan xen bên trong hoặc bao bọc bên ngoài đô thị trung tâm	Vành đai bao bọc xung quanh đô thị trung tâm	Hệ thống điểm xanh liên kết thành mạng lưới xanh	Hệ thống không gian xanh phân tách khu vực phát triển đô thị	Hệ thống mạng lưới xanh tuyến tính, gắn liền với địa hình

C 4. Kinh nghiệm quy hoạch HLX tại một số đô thị trên thế giới

Các phân tích được đưa ra dựa trên cơ sở phương pháp tổng hợp thông tin khoa học từ sách chuyên ngành, tạp chí khoa học và internet. Trong đó, thông tin khoa học được phân tích từ sách "Quy hoạch VĐX đô thị trong thế kỷ 21" [1] của Marco Amati được nhóm nghiên cứu sử dụng nhiều nhất.

Nhóm nghiên cứu lựa chọn 4 đô thị để phân tích thực tiễn quy hoạch HLX là: Luân Đôn (quy hoạch vùng Luân Đôn, Anh, năm 1898 [5]), Bắc Kinh (quy hoạch vùng Bắc Kinh, Trung Quốc, năm 1958 [6]), Seoul (quy hoạch chung thành phố Seoul, Hàn Quốc, năm 1971 [7]), Tokyo (quy hoạch vùng Tokyo, Nhật Bản,



năm 1958 [1]). Lựa chọn đô thị Luân Đôn vì đây là đô thị đầu tiên trên thế giới đưa ý tưởng quy hoạch HLX vào thực tiễn và đã đạt thành công. Lựa chọn các đô thị Bắc Kinh, Seoul vì 2 đô thị trên có điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế và văn hóa xã hội có những điểm tương đồng với các đô thị lớn của Việt Nam. Lựa chọn đô thị Tokyo vì đây là đô thị Châu Á đầu tiên áp dụng mô hình quy hoạch HLX, là đô thị có biến đổi cấu trúc HLX mạnh mẽ nhất. Các vấn đề khoa học đối với quy hoạch HLX được đưa ra: Mục tiêu phát triển, thành phần chức năng, khung cấu trúc, liên kết và chính sách kiểm soát phát triển. Đây là các yếu tố cốt lõi để thiết lập mô hình quy hoạch phát triển HLX.

a. Mục tiêu phát triển: Là yếu tố quyết định của quy hoạch HLX, nó thể hiện được vai trò HLX trong quá trình phát triển đô thị. Trong các đô thị nghiên cứu, mục tiêu phát triển của HLX Luân Đôn đã chuyển thành chính sách đô thị - tương đương luật địa phương. Kết quả so sánh trên Bảng 2 cho thấy, ngoài mục tiêu không gian, HLX có nhiều mục tiêu khác như mục tiêu môi trường, kinh tế, văn hóa. Trong đó, toàn bộ các đô thị đưa ra phân tích đều có mục tiêu không gian và môi trường, đây là các mục tiêu phát triển quan trọng nhất.

Bảng 2. Mục tiêu quy hoạch HLX tại một số đô thị trên thế giới

Đô thị Phân loại	Luân Đôn	Bắc Kinh	Seoul
Không gian	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát sự mở rộng giới hạn của đô thị lớn - Ngăn chặn các thị trấn lân cận sáp nhập vào nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp phân tách các khu vực đô thị lõi với các đô thị mới - Kiểm soát sự phát triển của các khu đô thị theo quy hoạch và thiết lập ranh giới đô thị với khu vực nông thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế việc mở rộng về phía Bắc gần Bắc Triều Tiên nhằm đảm bảo an ninh quốc gia - Hạn chế sự mở rộng đô thị Seoul vào thành phố lân giềng như Incheon, Suwon và Euijeongbu - Giảm tốc độ tăng trưởng nhanh của dân số và ngăn chặn tập trung công nghiệp ở Seoul
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ trong việc bảo vệ các vùng nông thôn bị xâm lấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ các khu vực đất nông nghiệp, cây xanh và mặt nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Dành quỹ đất cho các mục đích môi trường - Ngăn chặn sự hình thành bất hợp pháp tại vùng ngoại ô xung quanh Seoul - Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tái tạo đô thị, bằng cách khuyến khích việc sử dụng đất hoang và các loại đất đô thị khác 		<ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng sự tăng trưởng của Seoul và các đô thị tại khu vực ngoại thành
Văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ giá trị văn hóa lịch sử 		

b. Thành phần chức năng: Chủ yếu là rừng, đất nông nghiệp, trang trại, khu du lịch, sông hồ. Trong đó, rừng có vai trò quan trọng nhất, được ưu tiên phát triển và chính quyền đô thị có giải pháp khuyến khích mở rộng diện tích. Ví dụ: Tại Seoul, tổng thống Park Chung Hee đã thành lập trung tâm phát triển rừng trong HLX, có chiến lược tăng diện tích rừng cho từng giai đoạn và cho từng chuyên gia [7]. Bên cạnh việc duy trì và phát triển diện tích rừng, có xu hướng bổ sung các chức năng phát triển kinh tế như: Khu du lịch, khu vui chơi giải trí - thể thao, công viên và các khu vực phát triển kinh tế đô thị. Tuy nhiên, các chức năng này cũng là nguyên nhân làm xuất hiện các yếu tố dẫn đến phá vỡ cấu trúc quy hoạch HLX. Do đó cần phải có chính sách kiểm soát nghiêm ngặt các chức năng này. Kết quả nghiên cứu thành phần chức năng được trình bày trong Bảng 3 và Bảng 6 sau đây:

Bảng 3. Thành phần chức năng HLX tại một số đô thị trên thế giới

Đô thị Đặc điểm	Luân Đôn	Bắc Kinh	Seoul	Tokyo
Thành phần	Rừng, nông nghiệp, mặt nước, đất công trình khác (công viên, quảng trường...)	<ul style="list-style-type: none"> - VĐX 1: Rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước - VĐX 2: Khu vực dịch vụ sinh thái, khu vực hoạt động kinh tế 	Rừng, nông nghiệp, sông, ao hồ, các khu du lịch	Rừng, nông nghiệp, làng xã và công viên đô thị
Chủ đạo	Nông nghiệp	Rừng	Rừng	Nông nghiệp

c. Quy mô: Trong các đô thị nghiên cứu, tỷ lệ diện tích HLX Luân Đôn là lớn nhất, chiếm tới 76,5% diện tích vùng Luân Đôn. Việc duy trì một diện tích lớn đã mang lại hiệu quả tích cực về môi trường và cũng chưa đựng nhiều áp lực để duy trì diện tích xanh đó. Tại các đô thị tại Châu Á, tỷ lệ diện tích HLX trên diện tích tự nhiên đô thị không quá 30%. Tỷ lệ này phản ánh thực trạng quý đất có thể phát triển HLX, áp lực phát triển phức tạp của các đô thị Châu Á. Ngoài ra việc dự báo khoảng cách HLX cũng ảnh hưởng đến việc thành công của mô hình trong thực tiễn. Ví dụ: Tại Tokyo, việc đề xuất khoảng cách xa nhất của HLX đến trung tâm (tính từ ga Tokyo) là 10km [1], trước áp lực phát triển lan tỏa mạnh của đô thị trung tâm thì khoảng cách này là chưa hợp lý; Kết quả là hiện tượng tăng dân số, phát triển thiếu kiểm soát nhà ở và xuất hiện các mâu thuẫn phát sinh trong khu vực HLX. Kết quả nghiên cứu quy mô HLX được trình bày trong Bảng 4.

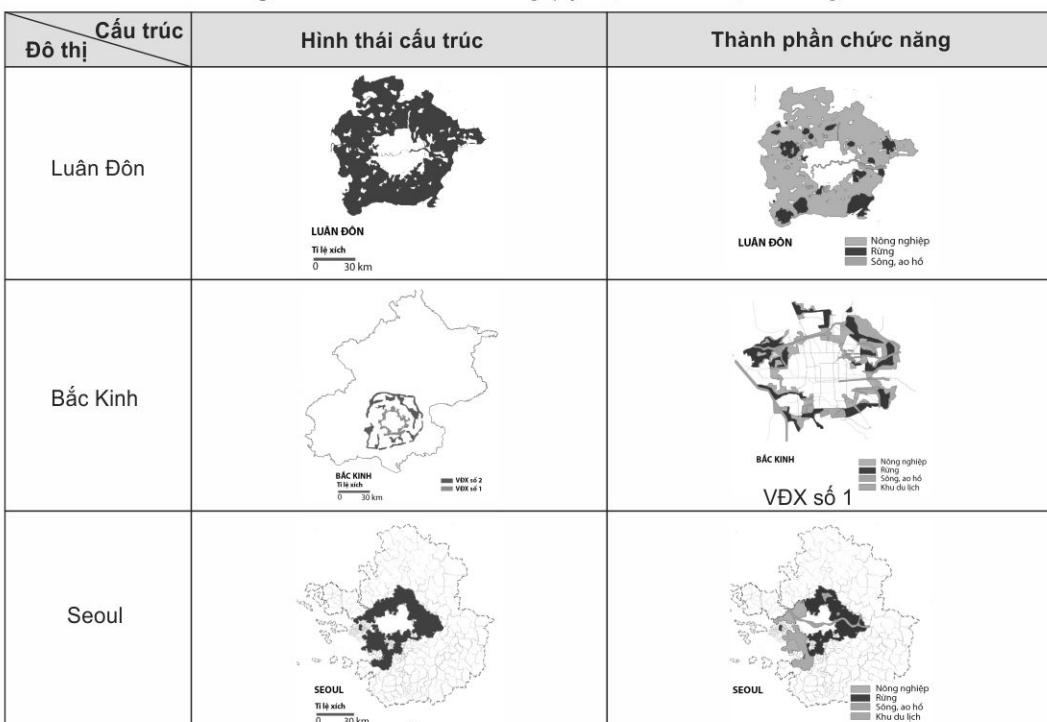
Bảng 4. Quy mô HLX tại một số đô thị trên thế giới

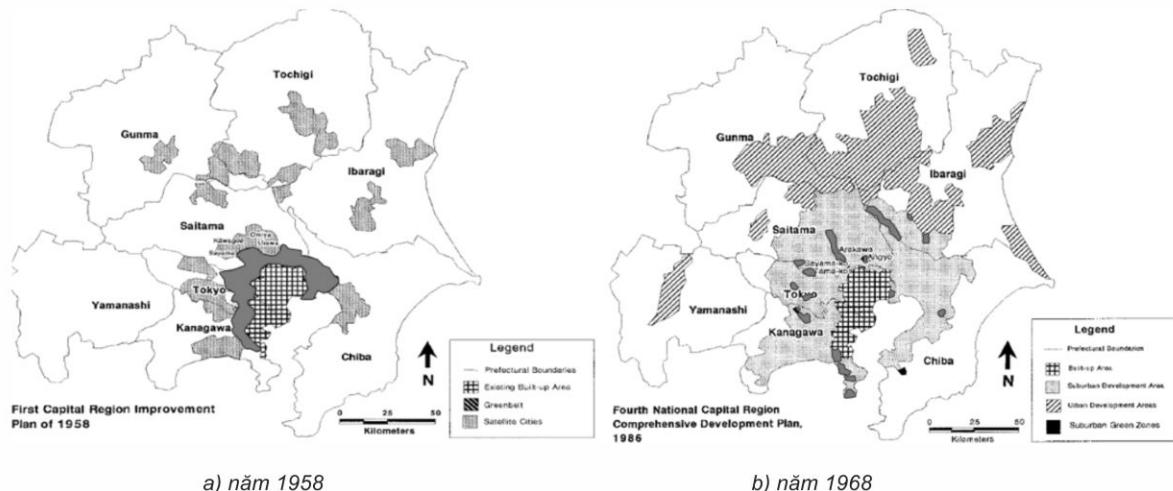
Đặc điểm	Đô thị	Luân Đôn	Bắc Kinh	Seoul	Tokyo
Diện tích		4860 km ²	1760 km ²	1566,8 km ²	137,3 km ²
Tỷ lệ với tổng diện tích tự nhiên		76,5%	10,4%	27,5%	6,3%
Khoảng cách xa nhất		45 km	30 km	40 km	10 km

d. Mô hình cấu trúc quy hoạch: HLX có sự biến đổi với nhiều dạng cấu trúc như: Dạng VĐX toàn bộ vùng ngoại thành, dạng VĐX một lớp, HLX dạng VĐX hai lớp, HLX dạng Mạng xanh. Trong đó, HLX dạng VĐX một lớp là được sử dụng phổ biến nhất. Dạng này thỏa mãn đầy đủ các mục tiêu phát triển HLX, trong đó mục tiêu hạn chế phát triển lan tỏa thiếu kiểm soát của đô thị. Tuy nhiên, mô hình này không thành công tại Tokyo, dẫn đến sự biến đổi cấu trúc quy hoạch từ HLX dạng một VĐX biến đổi sang dạng "Mạng xanh" (xem Hình 1). Kết quả nghiên cứu mô hình cấu trúc quy hoạch được trình bày trong Bảng 5 và Bảng 6.

Bảng 5. Mô hình cấu trúc quy hoạch HLX tại một số đô thị trên thế giới

Đặc điểm	Đô thị	Luân Đôn	Bắc Kinh	Seoul	Tokyo
Dạng cấu trúc	VĐX toàn bộ vùng ngoại thành	VĐX hai lớp	VĐX một lớp	Mạng xanh	
Vị trí trong đô thị	Không gian mở toàn bộ vùng ngoại thành	VĐX đầu tiên nằm giữa đường vành đai 4 và 5. VĐX thứ hai nằm giữa đường vành đai 5 và 6.	Không gian mở bao bọc bên ngoài đô thị lõi	Công viên đan xen trong đô thị	

Bảng 6. Sơ đồ cấu trúc HLX trong quy hoạch các đô thị trên thế giới



Hình 1. Sơ đồ biến đổi cấu trúc HLX trong quy hoạch vùng Tokyo [1]

e. Tính liên kết trong cấu trúc: Tại các đô thị nghiên cứu, HLX được thiết lập dựa trên các liên kết về môi trường sinh thái, cảnh quan, hoạt động du lịch - thể dục thể thao, phát triển kinh tế và hạ tầng kỹ thuật. Đối với HLX Luân Đôn, các liên kết là kết quả của quá trình phát triển. Đối với HLX các đô thị còn lại các liên kết hình thành từ quá trình thiết lập HLX, nó thể hiện vai trò trong việc liên kết các "điểm xanh" thành hệ thống xanh hoàn chỉnh. Ngoài các liên kết có vai trò thiết lập, cần kiểm soát các liên kết hạ tầng kỹ thuật (điểm hình là hệ thống giao thông), liên kết này có khả năng chia cắt và làm giảm tính liên tục, tính mảng của HLX. Kết quả nghiên cứu tính liên kết trong cấu trúc quy hoạch được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7. Liên kết cấu trúc HLX tại một số đô thị trên thế giới

Dạng liên kết	Đô thị	Luân Đôn	Bắc Kinh	Seoul	Tokyo
Môi trường sinh thái	x	x	x	x	x
Cảnh quan	x	x	x	x	
Hoạt động du lịch - vui chơi giải trí	x			x	
Phát triển kinh tế đô thị			x		
Hạ tầng kỹ thuật	x	x	x	x	x

f. Chính sách kiểm soát phát triển: Tại các đô thị nghiên cứu, HLX được chuyển thành chính sách quốc gia (như tại Seoul), chính sách địa phương (như tại Luân Đôn, Bắc Kinh). Đây là những quy định mang tính pháp lý đủ mạnh để kiểm soát phát triển HLX, nhất là trong quá trình đô thị hóa cực mạnh hiện nay tại các đô thị châu Á. Tuy nhiên, ngoài sức mạnh của pháp chế, chính sách cần có sự linh động để phù hợp với thực trạng phát triển đô thị. Nếu không đáp ứng được, khu vực dự kiến thiết lập HLX sẽ tự phát sinh các vấn đề mới, khó kiểm soát và có nguy cơ phá vỡ cấu trúc. Ví dụ: Tại HLX Luân Đôn đã phát sinh những vấn đề bất cập trong thực tiễn như: Di dân từ đô thị lõi ra khu vực ven đô, tăng giá trị bất động sản và bùng phát xây dựng nhà ở bên trong HLX [5].

Quy định pháp lý chung theo đồ án quy hoạch không đủ mạnh để kiểm soát phát triển HLX và điều chỉnh các mâu thuẫn phát sinh, dẫn đến biến đổi mô hình quy hoạch HLX. Đối với HLX Tokyo, nhóm nghiên cứu đã xác định những vấn đề cần có chính sách kiểm soát tham gia giải quyết như: Mâu thuẫn lợi ích của người dân trong việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất cây xanh, giữa giá bất động sản trong HLX và khu vực đô thị kè cận, giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong việc quản lý phát triển, giữa lợi ích công cộng và lợi ích chủ sở hữu đất. Kết quả nghiên cứu chính sách kiểm soát phát triển được trình bày trong Bảng 8.

**Bảng 8. Chính sách kiểm soát phát triển HLX tại một số đô thị trên thế giới**

Đô thị Đặc điểm	Luân Đôn	Bắc Kinh	Seoul	Tokyo
Chính sách quy định	Hướng dẫn chính sách công 2 - tương đương luật	Pháp lệnh	Chính sách quốc gia và điều hành trực tiếp bởi Tổng thống, Luật quy hoạch thành phố Seoul	Chưa có chính sách kiểm soát, mới dừng lại quy định quản lý chung theo đồ án
Tích cực	Là chính sách đủ mạnh để kiểm soát phát triển chức năng trong HLX	Là chính sách đủ mạnh để chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất cây xanh	Là chính sách linh động, linh hoạt điều chỉnh trong thực tiễn	
Hạn chế	Chưa linh hoạt			Thiếu chính sách đủ mạnh, cụ thể

**4. Nhận diện mô hình quy hoạch phát triển HLX đô thị lớn tại Việt Nam**

Từ những phân tích tổng hợp, so sánh kinh nghiệm quy hoạch phát triển HLX tại một số đô thị trên thế giới ở trên, nhóm nghiên cứu đã nhận diện khái quát mô hình quy hoạch phát triển HLX đô thị lớn tại Việt Nam như sau:

a. Mục tiêu phát triển: HLX các đô thị lớn tại Việt Nam phải đáp ứng 7 mục tiêu: Tạo lập môi trường sinh thái tốt, góp phần cho sự phát triển bền vững đô thị; Góp phần hạn chế phát triển lan tỏa của đô thị; Đảm bảo hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và phát triển kinh tế; Bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống; Tạo ra các hoạt động du lịch, vui chơi giải trí gắn kết với đô thị; Tạo ra các vùng cảnh quan đẹp, góp phần tạo bản sắc đô thị; Tạo môi trường đô thị hóa tích cực.

b. Thành phần chức năng: Trên cơ sở khảo sát thực trạng khu vực chức năng trong khu vực dự kiến thiết lập HLX tại các đô thị lớn Việt Nam và đối chiếu với các chức năng trong HLX đô thị trên thế giới, nhóm nghiên cứu nhận diện các "chức năng xanh" trong HLX đô thị lớn Việt Nam bao gồm khu vực sau:

- Khu vực tự nhiên: Gồm khu vực rừng tự nhiên, công viên rừng, rừng trồng, rừng phòng hộ, rừng trên đảo, rừng ngập mặn, mảng xanh có diện tích lớn và mặt nước tự nhiên như sông, hồ, biển... Tiêu chí xác định là có loại cây lâu năm, độ che phủ lớn, mặt nước tự nhiên lớn, ổn định;

- Khu vực du lịch - dịch vụ, vui chơi giải trí: Gồm các khu du lịch sinh thái, công viên chuyên đề, khu thể thao ngoài trời. Với các khu này, phần phạm vi xây dựng được hạn chế thấp dưới 15%, tạo điều kiện để phát triển các mảng xanh thuần. Đây là chức năng xanh mà vị trí, quy mô được hình thành với sự chủ động quy hoạch. Có thể dựa trên yếu tố tự nhiên như ven sông, biển, trong các khu rừng tự nhiên;

- Khu vực phát triển nông nghiệp: Gồm đất sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi thủy sản và mô hình vườn đô thị, trang trại;

- Khu vực làng xã: Bao gồm các làng xã khu vực ngoại thành có mật độ xây dựng thấp, phần phạm vi xây dựng được hạn chế thấp dưới 40%, để phát triển các không gian vườn cây, ao hồ tự nhiên trong sự liên kết không tách rời với các giá trị văn hóa làng xã truyền thống.

Bên cạnh các "chức năng xanh", thực trạng các đô thị lớn Việt Nam còn xuất hiện các chức năng nằm lọt bên trong HLX nhưng không thuộc khu vực HLX. Sự hình thành của các chức năng này khác với các mục tiêu hình thành của HLX. Tuy nhiên, phần lớn vùng ven các đô thị lớn đều đã tồn tại những loại hình này. Nó có thể đan xen hoặc nằm trọn trong các khu vực HLX, vì vậy luôn phải xét đến tác động của chúng đối với HLX. Ví dụ: Dự án khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, đầu mối hạ tầng kỹ thuật; Khu vực dân cư nông thôn đã có mật độ xây dựng cao, không thể kiểm soát phát triển theo các quy định của HLX.

c. Quy mô: Xác định khoảng cách xa nhất hay bán kính của HLX đối với các đô thị lớn tại Việt Nam là rất phức tạp, phải giải quyết đồng thời nhiều tham số về không gian và phi không gian. Khoảng cách xa nhất của HLX được tính toán nhằm đảm bảo có hiệu quả nhất về mặt môi trường, kinh tế và xã hội. Việc tăng bán kính HLX cần phải được phân tích trên sự cân bằng giữa chi phí đầu tư xây dựng và lợi ích môi trường.

Trước hết về mặt lợi ích môi trường, diện tích HLX càng lớn thì lợi ích môi trường càng tăng. Tuy nhiên, diện tích HLX càng lớn thì chi phí xây dựng HLX tăng, trong đó chi phí khai thác cơ sở hạ tầng cao và giảm hiệu quả các dịch vụ du lịch. Do các nguyên nhân sau: Khoảng cách liên kết và thời gian đi lại, chi phí xây dựng, quản lý vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng đều tăng. Do đó, khoảng cách xa nhất của HLX được xác định là hiệu số của lợi ích môi trường và chi phí xây dựng.

Cùng với cơ sở lý thuyết về thời gian đi lại hiệu quả nhất trong đô thị không quá 1 giờ đối với phương tiện vận chuyển ô tô, xe buýt, so sánh quy mô HLX tại các đô thị đã nghiên cứu, chúng tôi đề xuất tỉ lệ diện tích HLX trên tổng diện tích đất tự nhiên của đô thị không quá 30%, khoảng cách xa nhất không quá 45km.

d. Khung cấu trúc quy hoạch: Qua thực tiễn quy hoạch HLX đô thị trên thế giới, mô hình cấu trúc HLX là rất đa dạng. Đối với các đô thị Việt Nam, theo nhóm nghiên cứu không cứng nhắc áp dụng một mô hình nào của các nước trên thế giới, mà cần phải vận dụng linh hoạt tùy vào điều kiện đặc trưng của mỗi đô thị. Trong phạm vi ranh giới 1 đô thị lớn, nhóm nghiên cứu nhận diện các khung cấu trúc chính như sau:

- HLX độc lập: Chỉ có một số thành phần chức năng trong HLX. Mô hình này thỏa mãn được các nguyên tắc và đạt được đồng thời 3 mục tiêu phát triển ban đầu, khuyến khích đạt được các mục tiêu còn lại. Một đô thị có thể có một vài HLX độc lập. Có các dạng mô hình HLX độc lập như:

- + HLX độc lập dạng tuyến xanh ven sông, ven đường. Khi các tuyến xanh kết nối từ trung tâm đô thị với vùng ven đô hình thành mô hình HLX độc lập dạng nêm xanh;

- + HLX độc lập dạng mạng xanh: Kết hợp dạng điểm xanh và tuyến xanh được liên kết với nhau thành một hệ thống. Điểm xanh thiết lập dựa trên các khu vực chức năng công viên, mặt nước, vườn hoa nằm xen trong đô thị trung tâm.

- HLX linh hoạt: Có đầy đủ các thành phần chức năng của HLX. Mô hình này phải đạt được đồng thời 7 mục tiêu phát triển. Mô hình này áp dụng cho đô thị từ loại 1 trực thuộc tỉnh, với các dạng sau:

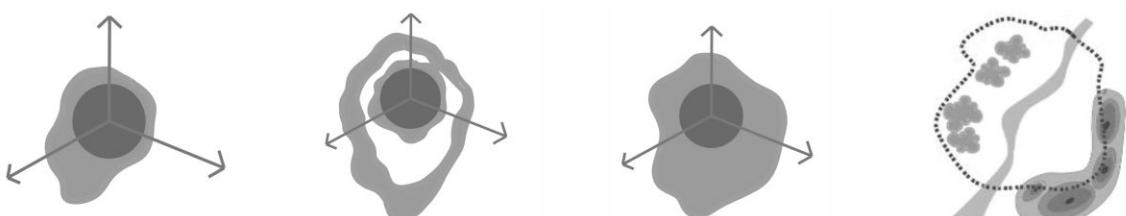
- + HLX linh hoạt dạng VDX một lớp: Bao gồm hệ thống các không gian xanh bao bọc và bám sát lối đô thị lõi, với một khoảng rộng hành lang nhất định;

- + HLX linh hoạt dạng VDX nhiều lớp: Diễn hình là dạng VDX có hai lớp, một lớp bọc sát đô thị lõi cũ, một lớp bọc phía ngoài khu vực dự kiến mở rộng đô thị;

- + HLX linh hoạt dạng VDX toàn bộ đất ngoại thành: Dạng này bao gồm toàn bộ đất ngoại thành, chứa đựng cả các thành phần không gian xanh và các thành phần phải kiểm soát nghiêm ngặt như thị trấn, khu công nghiệp, làng xã có mật độ cao...

- HLX hệ thống: Vừa có HLX độc lập (bên trong đô thị), vừa có HLX hệ thống dạng VDX bên ngoài đô thị, được liên kết với nhau bằng các tuyến xanh. Mô hình này áp dụng cho đô thị từ loại 1 trực thuộc Trung ương, đô thị đặc biệt. Trong trường hợp này có thể xuất hiện mô hình mới là mô hình HLX dạng Nêm xanh.

Một số hình thái khung cấu trúc quy hoạch HLX được trình bày trong Hình 2 sau đây:



a) VDX 1 lớp

b) VDX 2 lớp

c) VDX toàn bộ đất ngoại thành

d) Mạng xanh

Hình 2. Một số mô hình cấu trúc HLX

e. Liên kết cấu trúc: Như đã phân tích trong thực tiễn quy hoạch các đô thị trên thế giới, tính liên kết gắn với quá trình thiết lập khung cấu trúc HLX. Tại các đô thị lớn Việt Nam, các không gian xanh đô thị phân bố rời rạc và không đồng đều, do đó vai trò không gian xanh trong cấu trúc đô thị không phát huy hết vai trò. Các liên kết sẽ kết nối các không gian xanh thành một "hệ thống xanh", phát huy tiềm năng môi trường sinh thái, cảnh quan đặc trưng, giá trị văn hóa và khai thác hiệu quả hoạt động kinh tế. Nhóm nghiên cứu đề xuất các liên kết chủ đạo như sau:



- Liên kết các hệ thống xanh trên khía cạnh môi trường, sinh thái: Cần phân tích rõ các hệ sinh thái mong muốn thiết lập hoặc khôi phục, từ đó bố trí liên kết các hệ thống cây xanh, mặt nước hợp lý. Luôn tuân thủ nguyên tắc tạo diện lớn và tính liên kết khu vực cho các mảng xanh lớn, tránh bị chia cắt thành những mảng nhỏ;

- Tổ chức hoạt động du lịch: Với hệ thống các chức năng đa dạng trong HLX, có thể tổ chức nhiều hoạt động du lịch như: Du lịch làng xã, du lịch văn hóa, tâm linh, du lịch nông nghiệp,...;

- Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, thể thao: Hoàn toàn có thể coi HLX là một công viên lớn với đa dạng các hoạt động vui chơi giải trí. Hoạt động kết nối điển hình là: Tuyến đi xe đạp thể thao và diễm cảnh quan, diễm dịch vụ ẩm thực trong khu du lịch sinh thái hoặc trong làng xóm.

f. Phương thức kiểm soát phát triển: Đối với các đô thị đưa ra nghiên cứu, đây là vấn đề rất quan trọng và quyết định đến sự thành công của mô hình HLX trong thực tế. Tại các đô thị lớn Việt Nam, để đảm bảo thành công mô hình HLX cần phải có chính sách đủ mạnh, thống nhất trong một hệ thống: Từ đối tượng thực hiện, nguồn lực, thể chế, tổ chức thực hiện đến giải pháp điều tiết các mâu thuẫn. Trong giới hạn bài báo, chúng tôi đề xuất một số giải pháp kiểm soát phát triển như sau:

- Các kịch bản phát triển khác nhau nhằm thích ứng với những biến đổi không ngừng của đô thị. Trong đó xác định các bước cần làm ngay như gìn giữ các khu vực tự nhiên và hệ thống các công trình di sản văn hóa, các bước có thể thực hiện theo các giai đoạn phù hợp nguồn lực của từng đô thị;

- Giải pháp thiết lập mô hình quản lý dự án phát triển HLX để thống nhất quản lý và điều phối toàn bộ hoạt động xây dựng trong HLX;

- Giải pháp thiết lập khung quy chế quản lý phát triển HLX để thống nhất các chính sách tham chiếu vào các thành phần chức năng trong HLX. Có thể xác định HLX là một khu vực có tính đặc thù, từ đó đề xuất quy chế quản lý riêng cho HLX;

- Giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn nhằm thay đổi nhận thức cán bộ quản lý, cán bộ thiết kế, nhà doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về giá trị HLX;

- Giải pháp điều tiết, điều chỉnh linh hoạt các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình phát triển: Khắc phục các mâu thuẫn từ thực trạng khu vực dự kiến thiết lập, mâu thuẫn từ thực tiễn triển khai quy hoạch và các xu hướng phát triển bất lợi trong HLX.



5. Kết luận

Bài viết đã phân tích lịch sử phát triển HLX và đúc rút các bài học kinh nghiệm quy hoạch HLX tại các đô thị trên thế giới. Từ những phân tích và so sánh cô đọng về mô hình quy hoạch HLX tại một số đô thị trên thế giới, nhóm tác giả đã nhận diện khái quát mô hình quy hoạch HLX các đô thị lớn tại Việt Nam. Đây là những cơ sở khoa học mang tính cốt lõi trong việc nghiên cứu đề xuất mô hình quy hoạch phát triển HLX.

Tài liệu tham khảo

- Marco Amati (2008), *Quy hoạch VĐX đô thị trong thế kỷ 21*, ISBN: 978-0-7546-4959-5.
- Nico Herz, Jutta Wolff (2010), *Phân tích khái niệm về HLX và kết quả sơ bộ*, Bài giảng thuyết trình, Đại học Hamburg thuộc Viện công nghệ quy hoạch giao thông và lý luận.
- Forest Research (2011), *Mạng xanh và con người; đánh giá lại các nghiên cứu và thực hành trong việc phân tích và quy hoạch mạng lưới xanh đa chức năng*, Báo cáo di sản thiên nhiên thế giới tại Scottish, No.490.
- Huifeng Peng (2005), *Phân tích quy hoạch vành đai xanh Bắc Kinh bằng công nghệ GIS*, Báo cáo tổng hợp luận văn, Trường đại học Washington State.
- Nguyễn Thanh Bình (2013), "Quy hoạch Anh đến những năm 1980s và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Quy hoạch đô thị*, số 15.
- Jun Yang, Zhou Jinxing (2007), *Sự thất bại và thành công của chương trình VĐX Bắc Kinh*, Urban Forestry & Urban Greening 6 (2007) 287-296.
- Chang-He Christine Bae (1998), "VĐX Hàn Quốc: Những tác động và sự thay đổi chức năng", *Tạp chí Pacific Rim law and Policy*, Vol.7, No. 3.